



ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH GỖ VIỆT NAM CẬP NHẬT ĐẾN HẾT THÁNG 9 NĂM 2019

Tô Xuân Phúc, Cao Thị Cẩm, Trần Lê Huy

Tháng 11 năm 2019





ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH GỖ VIỆT NAM

CẬP NHẬT ĐẾN HẾT THÁNG 9 NĂM 2019

Tô Xuân Phúc (Forest Trends)

Cao Thị Cẩm (Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam)

Trần Lê Huy (Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định)

Tháng 11 năm 2019



Lời cảm ơn

Báo cáo **Đầu tư nước ngoài vào ngành gỗ Việt Nam: Cập nhật đến hết tháng 9 năm 2019** là sản phẩm hợp tác của nhóm nghiên cứu thuộc Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFORES), Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA), Hội chế biến gỗ tỉnh Bình Dương (BIFA), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định) và Tổ chức Forest Trends. Nhóm tác giả xin cảm ơn sự hỗ trợ của các Hiệp hội nêu trên.

Báo cáo được hoàn thành với sự hỗ trợ về nguồn lực của Tổ chức Hợp tác Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID) và Cơ quan Phát triển của Chính phủ Na Uy (NORAD) thông qua Tổ chức Forest Trends. Các con số thống kê được sử dụng trong Bản tin được thu thập từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Cục Đầu tư nước ngoài thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Hải quan thuộc Bộ Tài chính. Các nhận định trong Báo cáo là của các tác giả.

Nhóm tác giả

MỤC LỤC

1. Giới thiệu	1
2. Phương pháp nghiên cứu	2
3. Thực trạng đầu tư FDI vào ngành gỗ năm 2019	3
3.1. Một số nét chung	3
3.2. Các dự án đầu tư mới đến hết 9 tháng đầu 2019	3
3.2.1. Số dự án và quy mô vốn	3
3.2.2. Các dự án đầu tư FDI mới theo nhóm sản phẩm	6
3.2.3. Các dự án FDI mới theo quốc gia đầu tư	7
3.2.4. Các dự án FDI mới theo địa bàn nhận đầu tư	9
4. Tăng vốn, mở rộng sản xuất	11
5. Góp vốn bằng mua cổ phần	12
6. Dự án đầu tư nước ngoài trong ngành gỗ: Một số khía về chính sách	13

Phụ lục các bảng:

Bảng 1. Các dự án đầu tư nước ngoài vào ngành gỗ 9 tháng đầu 2019 so với 2018	3
Bảng 2. Các dự án FDI ngành gỗ có vốn đăng ký từ 10 triệu USD trở lên giai đoạn 9 tháng đầu 2019	5
Bảng 3. Số lượng các dự án FDI 9 tháng đầu 2019 theo quy mô vốn	5
Bảng 4. Số lượng các dự án FDI mới theo loại hình đầu tư đến hết 9 tháng đầu 2019	7
Bảng 5. Vốn đầu tư trung bình theo loại hình đầu tư các dự án mới tính đến 9 tháng, 2019 (triệu USD)	7
Bảng 6. Dự án đầu tư tính hết 9 tháng 2019 chia theo quốc gia	8
Bảng 7. Một số dự án đầu tư mới vào ngành gỗ năm 2018 và 9 tháng 2019 theo quốc gia	8
Bảng 8. Các quốc gia có số lượt góp vốn thông qua hình thức mua cổ phần lớn	12

Phụ lục các hình:

Hình 1. Các dự án đầu tư đăng ký mới và quy mô vốn giai đoạn 9 tháng đầu 2019	4
Hình 2. Vốn đầu tư trung bình của mỗi dự án FDI giai đoạn 9 tháng đầu 2019	4
Hình 3. Số lượng các dự án FDI 9 tháng đầu 2019 theo quy mô vốn	6
Hình 4. Lượng các dự án FDI theo loại hình đầu tư đến hết 9 tháng đầu 2019	6
Hình 5. Số tỉnh nhận dự án FDI trong ngành gỗ đến hết 9 tháng 2019	9
Hình 6. Phân bố các dự án FDI mới trong ngành gỗ theo vùng	10
Hình 7. Phân bố các dự án FDI mới trong 9 tháng đầu 2019 theo vùng địa lý	10
Hình 8. Quy mô vốn của các dự án tăng vốn tính đến hết 9 tháng 2019	11
Hình 9. Số lượt dự án mua cổ phần và quy mô vốn 9 tháng đầu 2019	12

1. Giới thiệu

Đầu tư nước ngoài (FDI) vào ngành gỗ tăng rất nhanh đặc biệt kể từ năm 2018 trở lại đây. Trong số các quốc gia đầu tư, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc là quốc gia có số lượng dự án và quy mô vốn đầu tư lớn. Con số thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài cho thấy số doanh nghiệp FDI đăng ký mới trong 9 tháng đầu năm 2019 là 67, tương đương với con số cả năm 2018. Tổng số vốn đăng ký của các dự án này cũng tăng nhanh, lý do chính là do sự xuất hiện của một số dự án mới có mức vốn đăng ký quy mô rất lớn từ Hàn Quốc, Hồng Kông và Trung Quốc. Lượng vốn đăng ký của các dự án mới trong 9 tháng đầu 2019 cao hơn 2,3 lần so với tổng vốn đăng ký của các dự án FDI mới đầu tư vào ngành gỗ trong cả năm 2018.

FDI có vai trò quan trọng đối với sự lớn mạnh của ngành gỗ Việt Nam. Con số thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan cho thấy năm 2018 kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI năm 2018 đạt gần 3,96 tỷ USD, chiếm 46,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả ngành. Đánh giá được tầm quan trọng của các dự án FDI nói chung và dự án trong ngành gỗ nói riêng, Chính phủ đã và đang ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm thu hút đầu tư FDI vào các ngành. Nghị quyết 50/NQ-TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về **định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến hết 2030**¹ thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ đối với khu vực đầu tư FDI. Nghị quyết nhấn mạnh đầu tư FDI “*góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người lao động; nâng cao trình độ, năng lực sản xuất; tăng thu ngân sách nhà nước, ổn định kinh tế vĩ mô; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng; nâng cao vị thế và uy tín Việt Nam trên trường quốc tế.*”

Tuy nhiên đầu tư FDI đến nay vẫn còn một số hạn chế. Nghị quyết 50/NQ-TW nêu rõ “*việc thu hút, quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài vẫn còn những tồn tại, hạn chế và phát sinh những vấn đề mới.... chất lượng, hiệu quả thu hút và quản lý đầu tư nước ngoài chưa cao...hệ thống tổ chức bộ máy và năng lực thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài còn bất cập, phân tán, chưa đáp ứng được yêu cầu, thiếu chủ động và tính chuyên nghiệp.... Số lượng dự án quy mô nhỏ, công nghệ thấp, thâm dụng lao động còn lớn; phân bố không đồng đều; tỉ lệ vốn thực hiện trên vốn đăng ký còn thấp.... Các hiện tượng chuyển giá, đầu tư “chui”, đầu tư “núp bóng” ngày càng tinh vi và có xu hướng gia tăng... Năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài nhiều nơi còn hạn chế, thiếu tính chủ động, sáng tạo; khả năng phân tích, dự báo còn bất cập. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm có lúc, có nơi còn chưa nghiêm.*” Để giải quyết các tồn tại này, Nghị quyết 50 yêu cầu “*xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách...Chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu.*”

Chính phủ đã và đang nỗ lực triển khai các biện pháp theo tinh thần của Nghị quyết 50/NQ-TW, đặc biệt trong bối cảnh căng thẳng cuộc chiến Mỹ - Trung đang diễn ra với nhiều tác động tới các hoạt động sản xuất kinh doanh của các ngành. Ngày 4 tháng 7 vừa qua Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 824/QĐ-TTg phê duyệt Đề án **Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ**² với mục tiêu chủ yếu nhằm “*ngăn chặn các hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là gian lận xuất xứ hàng hóa...*”

Nhiều nghiên cứu cho rằng trong bối cảnh cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đang diễn ra Việt Nam là một trong những quốc gia được hưởng lợi, với các mặt hàng xuất khẩu vào thị trường Mỹ đang được mở rộng nhằm thay thế các mặt hàng từ Trung Quốc. Tuy nhiên cũng có một số ý kiến cho rằng bên cạnh những lợi ích mà cuộc chiến này đem lại là các rủi ro mới. Đã có một số tín hiệu cho thấy

¹ <https://thuvienphapluat.vn/tintuc/tag?keyword=Ngh%E1%BB%8B%20quy%E1%BA%Bft%2050-NQ-TW>

² <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/Quyết-dinh-824-QĐ-TTg-2019-chong-lan-tranh-bien-phap-phong-ve-thuong-mai-va-gian-lan-xuat-xu-418130.aspx>

gian lận thương mại trong ngành gỗ, với một số mặt hàng gỗ của Trung Quốc được nhập khẩu vào Việt Nam sau đó xuất khẩu vào Hoa Kỳ với nhãn mác của Việt Nam. Gian lận thương mại cũng có thể diễn ra dưới hình thức “đầu tư chui” hay “đầu tư núp bóng” với doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam thuê nhà xưởng của doanh nghiệp Việt, nhập khẩu hàng hóa sơ chế từ Trung Quốc vào sơ chế tại đây sau đó xuất sản phẩm vào Mỹ với nhãn mác Việt Nam. Hình thức đầu tư này đem lại những rủi ro lớn cho ngành gỗ của Việt Nam.

Kiểm soát rủi ro trong gian lận thương mại là một trong những ưu tiên hàng đầu của ngành. Đánh giá rủi ro trong các hoạt động đầu tư FDI của ngành đặc biệt kể từ khi cuộc chiến thương mại Mỹ Trung bắt đầu là việc làm cần thiết. Trong năm 2019, nhóm nghiên cứu của Hiệp hội gỗ và Forest Trends đã xây dựng 2 báo cáo bước đầu mô tả thực trạng các hoạt động đầu tư FDI vào ngành và đưa ra các cảnh báo về rủi ro trong các hoạt động này, đặc biệt là cảnh báo về dịch chuyển trong dòng vốn đầu tư từ Trung Quốc. Tuy nhiên các báo cáo này chỉ cập nhật các con số về đầu tư FDI đến tháng 6 năm 2019. Ngoài ra, các báo cáo này cũng chưa thống kê về tình trạng các dự án FDI tại Việt Nam thực hiện việc tăng vốn, các dự án mua cổ phần.

Nhằm cập nhật tình hình đầu tư FDI, nhóm Nghiên cứu của các Hiệp hội gỗ và Forest Trends xây dựng Báo cáo **Đầu tư Nước ngoài vào ngành Gỗ Việt Nam: Cập nhật đến hết tháng 9 năm 2019**. Báo cáo có mục tiêu:

- Cập nhật các loại hình đầu tư FDI trong ngành gỗ, bao gồm (i) các dự án đầu tư mới, (ii) các dự án tăng vốn và (iii) dự án góp vốn thông qua mua cổ phần.
- Tìm hiểu thực trạng các loại hình đầu tư theo nhóm sản phẩm, theo quốc gia đầu tư và địa phương đón nhận đầu tư.
- Đưa ra một số cảnh báo và các kiến nghị chính sách, nhằm giảm rủi ro trong đầu tư FDI vào ngành gỗ trong bối cảnh của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung.

2. Nguồn thông tin

Các dữ liệu thống kê về các dự án đầu tư FDI được sử dụng trong báo cáo này được cập nhật hết tháng 9 năm 2019, từ nguồn thông tin của Cục Đầu tư Nước ngoài. Ngoài ra Báo cáo có sử dụng một số thông tin được chia sẻ từ đại diện một số doanh nghiệp, những người nắm bắt nhiều thông tin về các hoạt động đầu tư FDI tại các địa bàn nơi doanh nghiệp hoạt động.

Báo cáo nhìn vào thực trạng 3 loại hình đầu tư FDI, bao gồm: (i) Các dự án đầu tư mới, là các dự án mới lần đầu tiên đăng ký hoạt động, (ii) Dự án tăng vốn, là các dự án FDI đang hoạt động tại Việt Nam và chủ đầu tư xin phép mở rộng sản xuất và được Chính phủ cấp phép tăng vốn đầu tư, và (iii) Góp vốn mua cổ phần, bao gồm các dự án với các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện việc mua cổ phần từ các dự án trong nước, nhằm sở hữu một phần của các dự án/doanh nghiệp nội địa.

Đối với các dự án đầu tư mới, dựa trên ngành nghề đăng kí kinh doanh đề cập trong mục tiêu của các dự án, nhóm nghiên cứu thực hiện phân loại các dự án theo các nhóm sản phẩm. Các nhóm này bao gồm: Chế biến gỗ (các dự án đầu tư sản xuất bàn ghế, giường, tủ, cửa...), Dầm gỗ, Pallet, Ván nhân tạo (ván dăm, ván sợi, ván sàn, ván ghép thanh, gỗ dán), Viên nén, Dịch vụ ngành gỗ (sản xuất sơn, keo, đinh ốc vít...), Thương mại gỗ (chuyên làm thương mại, không trực tiếp tham gia sản xuất) và một số dự án khác (ví dụ sản xuất than hoa từ gỗ).

Một số dự án sản xuất nhiều hơn một nhóm sản phẩm (ví dụ vừa sản xuất viên nén, vừa làm thương mại gỗ). Nhóm nghiên cứu chỉ lựa chọn một nhóm sản phẩm của mỗi dự án, dựa trên nhóm sản phẩm được dự án liệt kê đầu tiên trong phần mục tiêu của dự án. Nói cách khác, phân loại các dự án đầu tư mới theo nhóm sản phẩm chỉ có tính chất tương đối.

Các dự án tăng vốn, góp vốn thông qua hình thức mua cổ phần không có các thông tin về các sản phẩm, do vậy Báo cáo không có thông tin về loại hình sản phẩm đối với các loại hình dự án này.

Báo cáo này chưa có các thông tin chi tiết về các hoạt động người nước ngoài đi thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị, nhân công, người quản lý của các doanh nghiệp Việt Nam, tiến hành sản xuất sản phẩm xuất khẩu, với nhãn mác của Việt Nam.

Các con số thống kê về số lượng doanh nghiệp FDI xuất khẩu và kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp này được nhóm tác giả tính toán từ nguồn số liệu xuất khẩu của Tổng cục Hải quan.

3. Tình hình đầu tư FDI vào ngành gỗ năm 2019

3.1. Một số nét chung

Bảng 1. Các dự án đầu tư nước ngoài vào ngành gỗ 9 tháng đầu 2019 so với 2018

<i>Loại hình dự án</i>	<i>Số dự án 9 tháng đầu 2019</i>	<i>Dự án 2018 (so với 9 tháng đầu 2019)</i>	<i>Vốn đăng ký 9 tháng đầu 2019</i>	<i>Vốn 2018 (so với vốn 9 tháng đầu 2019)</i>
Dự án mới	67 dự án	67 dự án (100%)	583,1 triệu USD	269,8 triệu USD (216%)
Dự án tăng vốn	30 lượt	36 lượt (83,3%)	200,4 triệu USD	114,1 triệu USD (175,2%)
Dự án góp vốn mua cổ phần	123 lượt	190 lượt (64,7%)	134,4 Triệu USD	633,9 triệu USD (21,2%)

Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm tác giả.

Đầu tư FDI đầu tư vào trong ngành gỗ 9 tháng đầu 2019 có nhiều thay đổi so với năm 2018. Đối với loại hình đầu là các dự án mới, số dự án mới và đặc biệt số vốn đăng ký tăng rất mạnh. Lý do vốn đăng ký tăng mạnh chủ yếu là do sự xuất hiện của một số dự án mới có quy mô vốn rất lớn (xem thông tin trong các phần tiếp theo).

Ở loại hình các dự án tăng vốn, mặc dù số lượt dự án tăng vốn tuy không tăng nhiều, tuy nhiên lượng vốn tăng trong các dự án này rất lớn.

Ở loại hình đầu tư góp vốn, mua cổ phần, cả lượt dự án và quy mô vốn đều giảm mạnh.

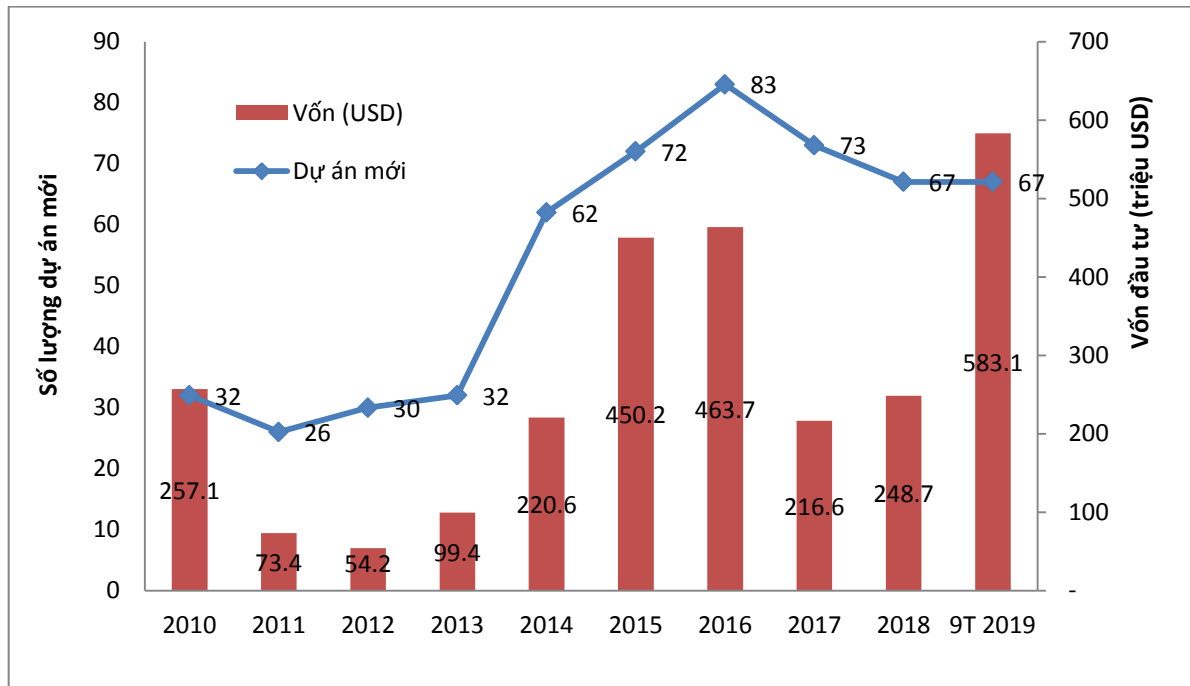
3.2. Các dự án mới đầu tư vào ngành đến hết 9 tháng đầu 2019

3.2.1. Số dự án và quy mô vốn

Tính đến hết tháng 9 năm 2019 ngành gỗ nhận được 67 dự án đầu tư mới, với tổng số vốn đầu tư trên 581 triệu USD, tương đương với 216% tổng số vốn đầu tư FDI mới vào ngành trong cả năm 2018.

Hình 1 chỉ ra số dự án FDI mới đầu tư vào ngành gỗ và quy mô vốn đăng ký tính đến hết 9 tháng đầu 2019.

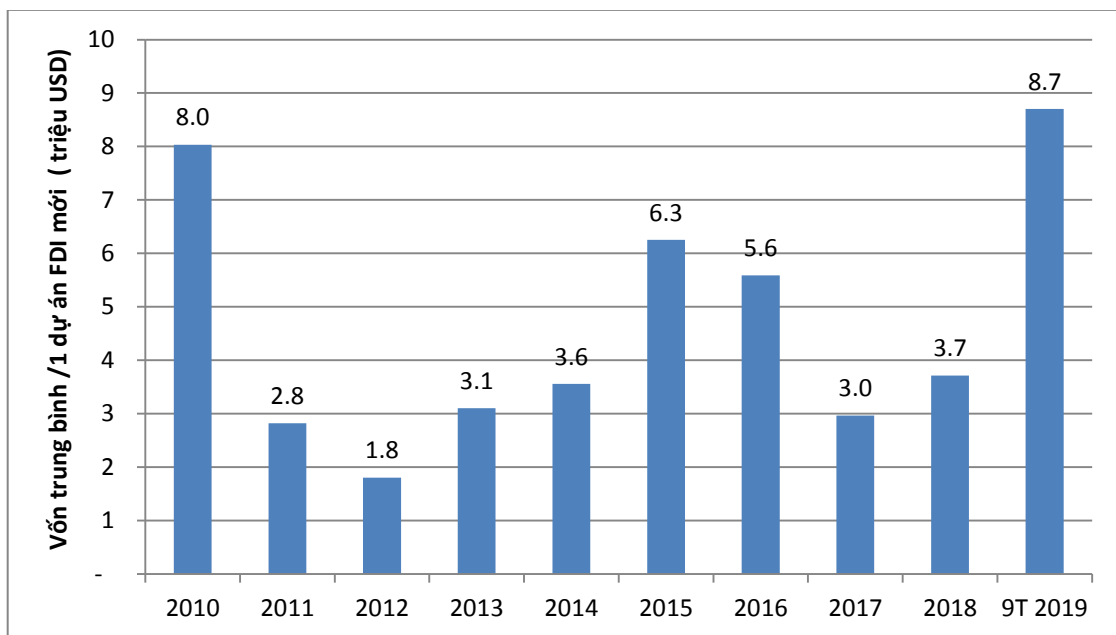
Hình 1. Các dự án đầu tư mới và quy mô vốn tính đến hết 9 tháng đầu 2019



Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm tác giả.

Nhìn chung quy mô vốn trung bình của các dự án FDI trong ngành gỗ nhỏ, khoảng trên dưới 3 triệu USD/dự án. Giai đoạn 2015-2016 các dự án có quy mô tăng, tuy nhiên sau đó giảm (Hình 2)

Hình 2. Vốn đầu tư trung bình của mỗi dự án FDI đến hết 9 tháng đầu 2019



Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm tác giả.

Quy mô vốn trung bình của mỗi dự án trong giai đoạn 9 tháng đầu 2019 tăng so với năm 2018. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa rằng quy mô vốn của tất cả các dự án FDI mới năm 2019 tăng. Năm 2019 xuất hiện một số dự án mới có quy mô rất lớn, đẩy vốn bình quân của tất cả các dự án đầu tư mới nói chung tăng. Bảng 2 liệt kê một số dự án FDI mới có vốn đăng ký lớn trong 9 tháng đầu 2019.

Bảng 2. Các dự án FDI ngành gỗ có vốn đăng ký từ 10 triệu USD trở lên giai đoạn 9 tháng đầu 2019

Dự án/mục tiêu	Vốn đăng ký (triệu USD)	Quốc gia đầu tư
MDF Dongwha Viet Nam: Sản xuất MDF, gỗ sàn công nghiệp	163,2	Hàn Quốc
Công ty TNHH nội thất lacque craft Việt Nam: Sản xuất đồ trang trí, nội thất, ghế sofa	98,3	Hàn Quốc
Nhà máy SX Công ty TNHH Fursys VN: sản xuất, gia công đồ nội thất	75,0	Hàn
Sản xuất, kinh doanh sàn nhựa và sàn gỗ	46,0	Trung Quốc
Nhà máy sản xuất đồ gỗ XK Việt Pháp: Sản xuất kinh doanh giường gỗ, nôi gỗ, cũi gỗ, tủ gỗ	12,0	Samoa
Nhà máy công ty TNHH Guan Rui Furniture (Việt Nam): Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	10,0	Hong Kông
Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm bằng gỗ và chất liệu khác	10,0	Australia
Nhà máy sản xuất gia công gỗ Sheng He: sản xuất gia công ván lạng	10,0	Hồng Kông
Nhà máy sản xuất đồ gỗ nội thất, tủ bàn ghế bằng gỗ	10,0	Nhật Bản

Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài 2019

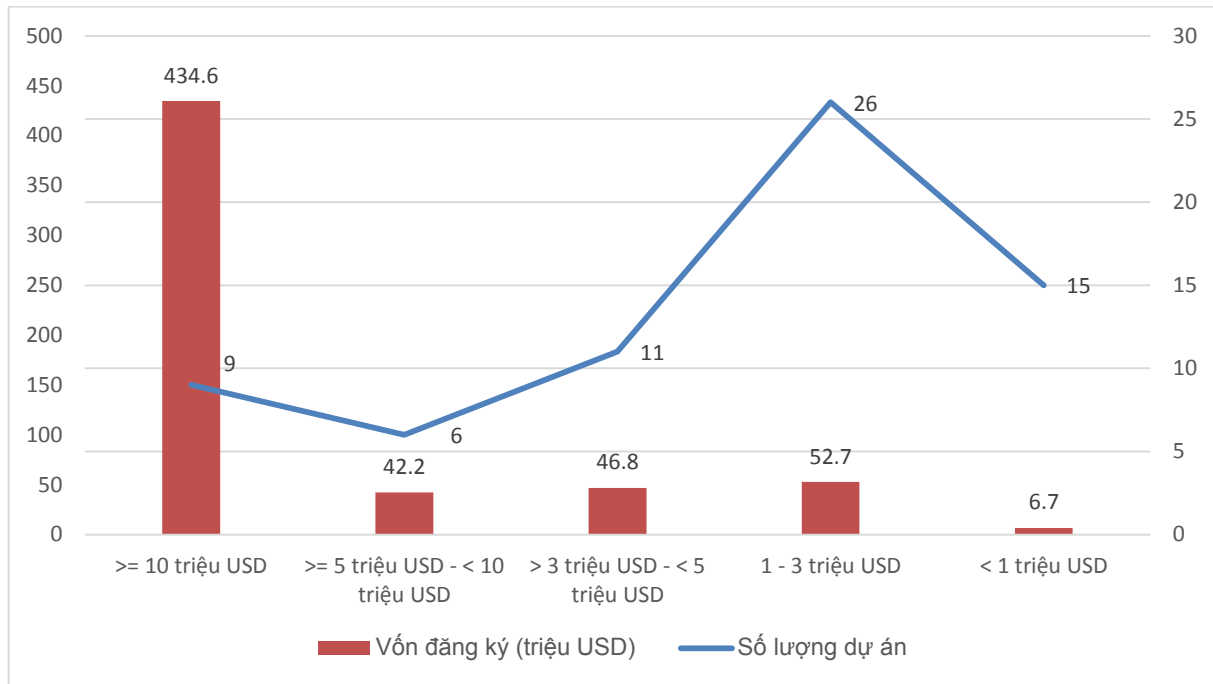
Bảng 3 và Hình 3 chỉ ra các quy mô các dự án chi theo vốn đăng ký trong năm 2019. Nhìn chung, FDI ngành gỗ có quy mô nhỏ, với số dự án quy mô vốn 1-3 triệu USD/dự án chiếm số lượng lớn nhất (38,8%). Tiếp đến là số lượng dự án có quy mô rất nhỏ (dưới 1 triệu USD/dự án, chiếm 22,4% trong số các dự án).

Bảng 3. Số dự án FDI 9 tháng đầu 2019 theo quy mô vốn

Loại dự án	Số lượng dự án	% trong tổng dự án đăng ký	Vốn đăng ký (triệu USD)	% trong tổng vốn đăng ký
Dự án từ 10 triệu USD trở lên	9	13,4	434.6	75
Dự án trên 5 triệu - dưới 10 triệu	6	9,0	42.2	7
Dự án trên 3 triệu - dưới 5 triệu	11	16,4	46.8	8
Dự án từ 1 đến 3 triệu	26	38,8	52.7	9
Dự án dưới 1 triệu USD	15	22,4	6.7	1
Tổng số	67	100	583,1	100

Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm nghiên cứu

Hình 3. Số lượng các dự án FDI 9 tháng đầu 2019 theo quy mô vốn

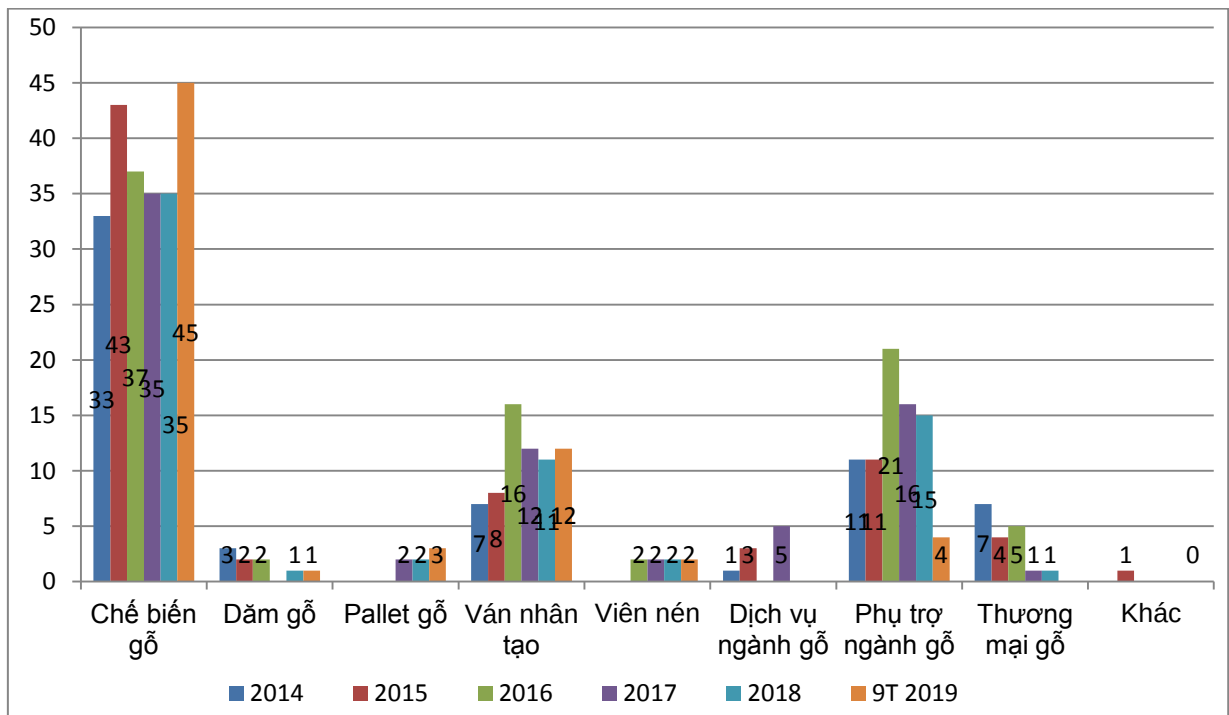


Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm nghiên cứu

3.2.2. Các dự án đầu tư FDI mới theo nhóm sản phẩm

Các dự án FDI mới trong ngành gỗ chủ yếu tập trung vào mảng chế biến gỗ. Trong 9 tháng đầu 2019 có trên 64% số dự án đầu tư tập trung vào nhóm sản phẩm này. Hình 4 và Bảng 4 chỉ ra sự thay đổi các dự án FDI theo nhóm sản phẩm tính đến hết 9 tháng đầu 2019.

Hình 4. Lượng các dự án FDI nhóm sản phẩm đến hết 9 tháng đầu 2019



Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm nghiên cứu.

Bảng 4. Số lượng các dự án FDI mới theo loại hình đầu tư đến hết 9 tháng đầu 2019

Loại hình đầu tư	2014	2015	2016	2017	2018	9T 2019
Chế biến gỗ	33	43	37	35	35	45
Dăm gỗ	3	2	2		1	1
Pallet gỗ				2	2	3
Ván nhân tạo	7	8	16	12	11	12
Viên nén			2	2	2	2
Dịch vụ ngành gỗ	1	3		5		
Phụ trợ ngành gỗ	11	11	21	16	15	4
Thương mại gỗ	7	4	5	1	1	
Khác ³		1				-
Tổng	62	72	83	73	67	67

Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm tác giả

Các dự án chế biến gỗ và sản xuất ván nhân tạo chiếm trên 80% trong tổng số dự án FDI đầu tư vào ngành gỗ hàng năm.

So sánh về quy mô vốn trong các dự án FDI, các dự án đầu tư vào mảng sản xuất pallet gỗ có quy mô vốn lớn nhất, tiếp đến là các dự án sản xuất viên nén (Bảng 5).

Bảng 5. Vốn trung bình của các dự án mới theo nhóm sản 9 tháng đầu 2019 (triệu USD)

Loại hình	2014	2015	2016	2017	2018	9T 2019
Chế biến gỗ	3.8	8.3	6.2	3.8	4.7	7.1
Dăm gỗ	7.7	1.5	0.9		3.2	2.5
Pallet gỗ				1.1	1.1	1.5
Ván nhân tạo	1.5	1.9	9.8	3.4	3.9	20.3
Viên nén			8.3	1.0	14.9	3.0
Dịch vụ ngành gỗ	10.0	0.9		1.6		
Phụ trợ ngành gỗ	4.0	6.2	2.9	1.9	1.9	1.5
Thương mại gỗ	1.4	1.1	0.3	0.2	0.1	-
Khác		0.1				

Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm nghiên cứu

3.2.3. Các dự án FDI mới theo quốc gia đầu tư

Trong 9 tháng đầu 2019 có 19 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào ngành gỗ Việt Nam. Nhìn chung số quốc gia đầu tư vào ngành gỗ Việt Nam đang có xu hướng tăng. Bảng 6 chỉ ra số lượng các dự án đầu tư đến hết 9 tháng 2019 chia theo quốc gia.

³ Dự án khác là dự án đầu tư sản xuất sản phẩm than hoa từ gỗ

Bảng 6. Dự án đầu tư tính hết 9 tháng 2019 chia theo quốc gia.

Quốc gia	Số lượng dự án					
	2014	2015	2016	2017	2018	9T 2019
Trung Quốc	16	24	34	30	24	40
Đài Loan	7	5	8	13	7	3
Hàn Quốc	10	9	16	3	7	5
Hồng Kông	2	4	6	2	6	8
Nhật Bản	8	5	4	3	6	2
Samoa		2		5	4	1
Hoa Kỳ	1	1		4	3	2
Malaysia	2			1	3	2
Singapore	3	2	2	3	3	1
BritishVirginIslands	1	3	2	1	2	
Các nước khác	12	17	11	8	2	3
Tổng	62	72	83	73	67	67

Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm nghiên cứu.

Trung Quốc là quốc gia dẫn đầu trong danh sách các quốc gia đầu tư vào ngành gỗ Việt Nam. Trong 9 tháng đầu 2019, số dự án FDI từ Trung Quốc đầu tư mới vào Việt Nam là 40, chiếm gần 60% trong tổng số dự án đầu tư. Kế tiếp trong danh sách là Hồng Kông và Hàn Quốc.

Mặc dù Trung Quốc có số lượng dự án FDI lớn, tổng vốn đầu tư của các dự án từ quốc gia này chỉ chiếm 23,5% trong tổng số vốn đầu tư đăng ký. Hầu hết các dự án FDI từ Trung Quốc có quy mô nhỏ.

Trong số 15 dự án có quy mô dưới 1 triệu USD đầu tư mới vào ngành giai đoạn 9 tháng đầu 2019 có 10 dự án từ Trung Quốc, tương đương 67%. Trong số này, có một nhà máy sản xuất ván tại Yên Bái, với vốn đầu tư đăng ký chỉ 23.000 USD.

Các dự án từ Hàn Quốc và Hồng Kông có số lượng nhỏ, tuy nhiên vốn đầu tư trên mỗi dự án lớn. Bảng 7 chỉ ra số lượng dự án và quy mô vốn chia theo các quốc gia đầu tư chính.

Bảng 7. Một số dự án đầu tư mới vào ngành gỗ năm 2018 và 9 tháng 2019 theo quốc gia

Quốc gia	Thời gian	Số dự án	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)	Vốn trung bình mỗi dự án (triệu USD)
Trung Quốc	9T 2019	40	137.1	3.4
	Cả năm 2018	24	59.3	2.5
Đài Loan	9T 2019	3	3.2	1.1
	Cả năm 2018	7	26.6	3.8
Hàn Quốc	9T 2019	5	242.3	48.5
	Cả năm 2018	7	42.4	6.1
Hồng Kông	9T 2019	8	135.6	16.9
	Cả năm 2018	6	42.3	7.1

Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm nghiên cứu.

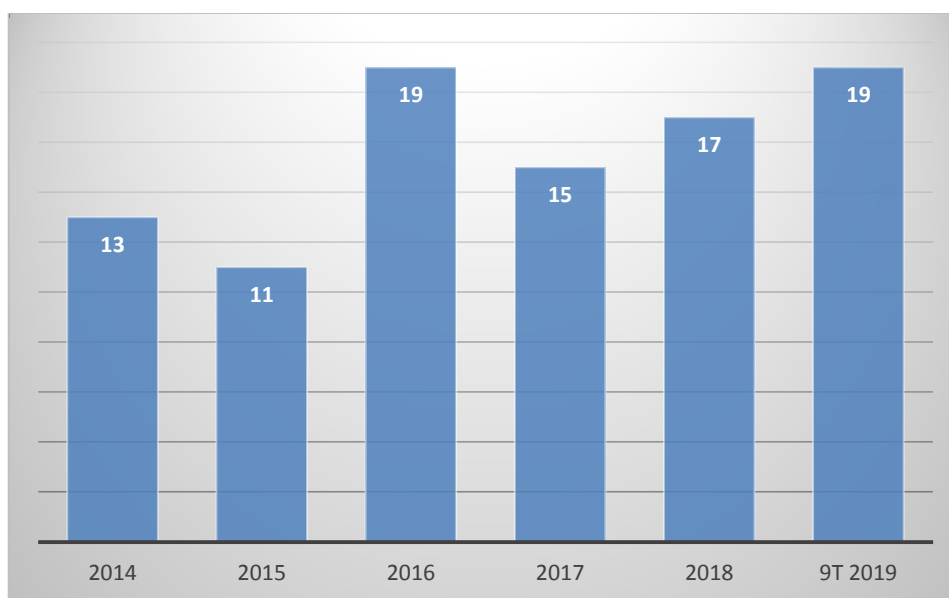
Một số đặc điểm của các dự án FDI mới trong 9 tháng đầu 2019 của các nước như sau:

- Trung Quốc. Trong 40 dự án đầu tư có 26 dự án tập trung vào chế biến gỗ, 8 dự án đầu tư vào sản xuất ván, còn lại là các dự án khác. So với năm 2018, số dự án từ Trung Quốc tăng lên 1,7 lần, quy mô vốn tổng số tăng lên 2,3 lần.
- Nhật Bản. Có 2 dự án, bao gồm 1 dự án chế biến gỗ, 1 dự án viên nén. So với 2018, xu hướng đầu tư 9 tháng đầu 2019 đang giảm, cả về lượng dự án và quy mô vốn.
- Hồng Kông. Có 6 dự án chế biến gỗ, 1 sản xuất pallet, 1 sản xuất ván
- Hàn Quốc. Có 5 dự án, bao gồm 3 dự án chế biến gỗ, 1 sản xuất pallet, 1 sản xuất viên nén. Quy mô vốn đầu tư của Hàn Quốc 9 tháng đầu 2019 tăng rất lớn. Lý do bởi vào tháng 7 tập đoàn DONGWHA Hàn Quốc đã đầu tư 1 dự án sản xuất MDF lớn tại Thái Nguyên với tổng vốn đầu tư là trên 163,2 triệu USD.
- Đài Loan. Trong 3 dự án mới của 9 tháng đầu 2019 có 1 dự án chế biến gỗ, 1 sản xuất ván và 1 sản xuất viên nén. Dự án mới từ Đài Loan giảm mạnh so với năm 2018, kể cả về lượng dự án và quy mô vốn tổng số.

3.2.4. Các dự án FDI mới theo địa phương nhận đầu tư

Hình 5 chỉ ra sự thay đổi về số tỉnh của Việt Nam nhận các dự án FDI đầu tư vào ngành gỗ tính đến hết 9 tháng đầu 2019.

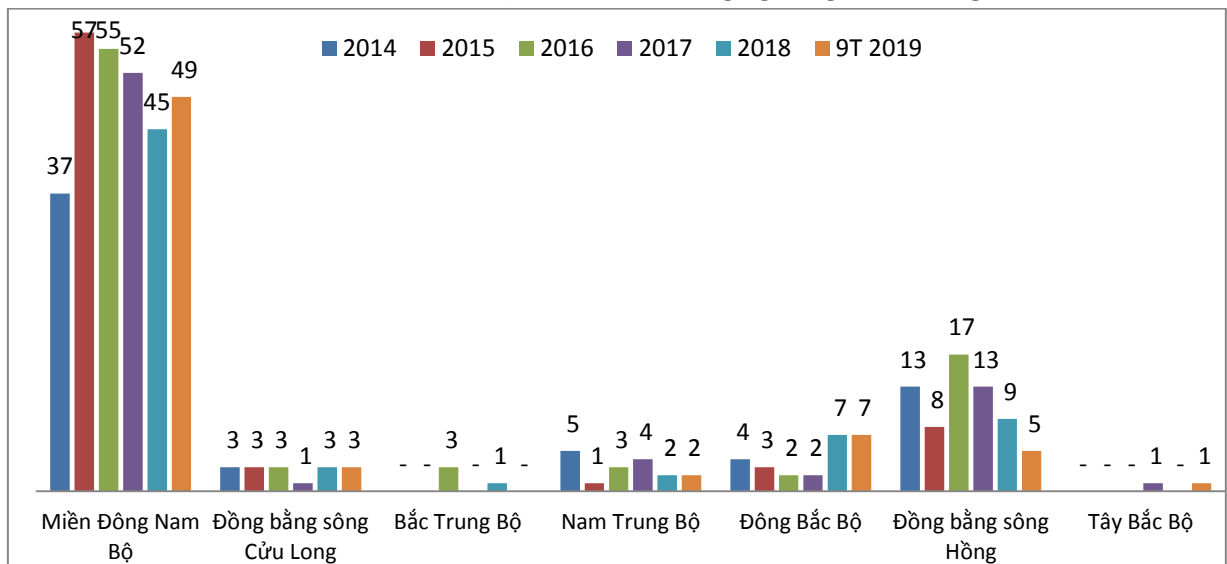
Hình 5. Số tỉnh nhận dự án FDI trong ngành gỗ đến hết 9 tháng 2019



Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm nghiên cứu

Nhìn chung, các dự án FDI ngày càng phân bố rộng hơn. Tuy nhiên, các dự án phân bố không đều. Dưới 20% số tỉnh, thành ở Việt Nam có các dự án FDI đầu tư vào ngành gỗ. Hình 6 chỉ ra sự phân bố các dự án FDI theo các vùng.

Hình 6. Phân bố các dự án FDI mới trong ngành gỗ theo vùng



Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm nghiên cứu.

Trong 9 tháng đầu 2019 các tỉnh Miền Đông Nam Bộ nhận được 49 dự án, chiếm trên 73% tổng dự án FDI mới đầu tư vào ngành gỗ Việt Nam. Quy mô vốn của 49 dự án này tương đương với gần 54% trong tổng vốn đầu tư mới vào ngành giai đoạn 9 tháng này.

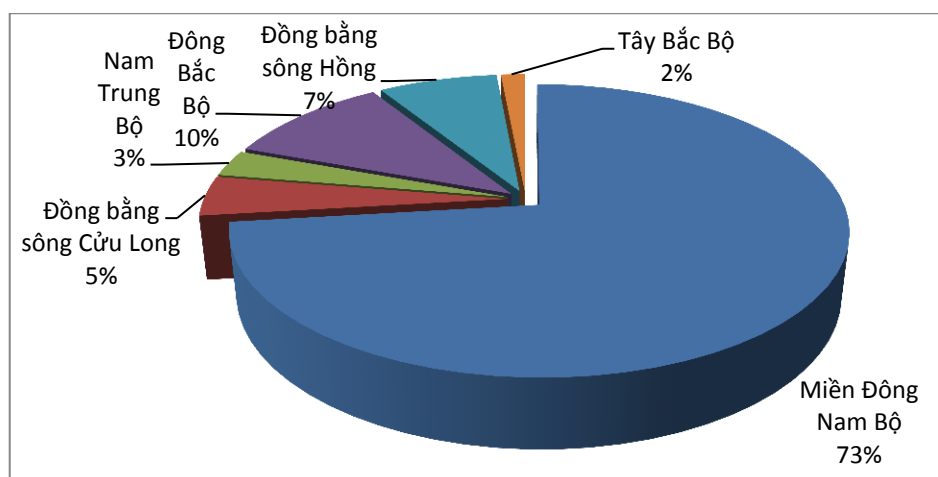
Trong các tỉnh Miền Đông Nam Bộ, Bình Dương là tỉnh dẫn đầu trong việc thu hút các dự án đầu tư vào ngành. Trong 9 tháng 2019 có 29 dự án FDI mới đầu tư vào Bình Dương.

Vùng đứng thứ 2 về số lượng các dự án FDI là Đồng bằng sông Hồng. Trong 9 tháng đầu 2019 có 5 dự án mới đầu tư vào vùng, thấp hơn nhiều so với số dự án mới đầu tư vào vùng Miền Đông Nam Bộ (49 dự án).

Tây Bắc, Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ là các vùng nhận được ít dự án FDI nhất. Lý do có thể là bởi cơ sở hạ tầng ở các vùng này chưa phát triển và hạn chế nguồn nguyên liệu đầu vào cho ngành.

Hình 7 thể hiện tỷ trọng các dự án FDI mới đăng ký trong 9 tháng đầu năm 2019 theo các vùng.

Hình 7. Phân bố các dự án FDI mới trong 9 tháng đầu 2019 theo vùng địa lý



Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm nghiên cứu.

Sự khác nhau về lượng các dự án đầu tư cũng có thể phản ánh môi trường thể chế khác nhau tại cấp tỉnh, điều mà Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ đã từng đề cập.⁴

4. Các dự án tăng vốn, mở rộng sản xuất

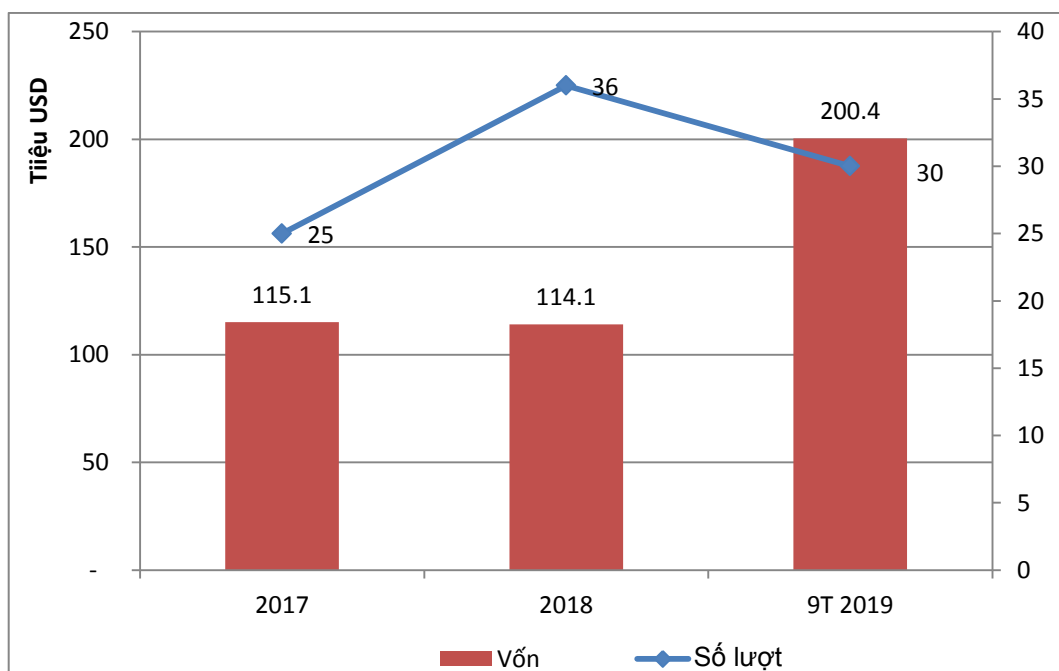
Để mở rộng sản xuất, một số doanh nghiệp FDI đang hoạt động tại Việt Nam quyết định tăng vốn. Hình 8 chỉ ra số lượng các dự án tăng vốn và quy mô vốn tăng tính đến hết tháng 9 năm 2019.

Trong 9 tháng đầu 2019, Hồng Kông là vùng lãnh thổ có số lượt tăng vốn nhiều nhất trong các quốc gia đầu tư vào ngành gỗ Việt Nam, với 10 lượt tăng vốn, tăng gấp trên 3 lần so với số lượt tăng vốn từ các doanh nghiệp của lãnh thổ này năm 2018. Năm 2017, không có dự án nào của Hồng Kông xin tăng vốn.

Cũng trong 9 tháng 2019 Trung Quốc là quốc gia có các dự án xin tăng vốn đứng thứ 2 sau Hồng Kông, với 8 lượt tăng vốn, gần tương đương số lượt của cả năm 2018 (10 lượt).

Mặc dù số lượt tăng vốn của các dự án FDI 9 tháng đầu 2019 (30 lượt) nhỏ hơn số lượt tăng vốn của cả năm 2018 (36 lượt), số vốn tăng của 9 tháng 2019 đạt 200,4 triệu USD, cao hơn gần 1,8 lần số vốn tăng của cả năm 2018 (114,1 triệu USD).

Hình 8. Quy mô vốn của các dự án tăng vốn tính đến hết 9 tháng 2019.



Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm nghiên cứu.

Các quốc gia có số lượt tăng vốn và/hoặc quy mô vốn tăng lớn 9 tháng đầu 2019 bao gồm:

- Hồng Kông: 10 lượt, 89,7 triệu USD (so với 3 lượt, 3,1 triệu USD cả năm 2018)
- Trung Quốc: 8 lượt, 10,4 triệu USD (10 lượt, 20,7 triệu USD năm 2018)
- Hoa Kỳ: 2 lượt, 31,4 triệu USD (2 lượt, 1,5 triệu USD năm 2018)
- British Virgin Island: 1 lượt, 50 triệu USD (1 lượt, 0,17 triệu USD năm 2018)

Nhìn chung, có sự biến động lớn về các dự án tăng vốn, đặc biệt về quy mô vốn tăng.

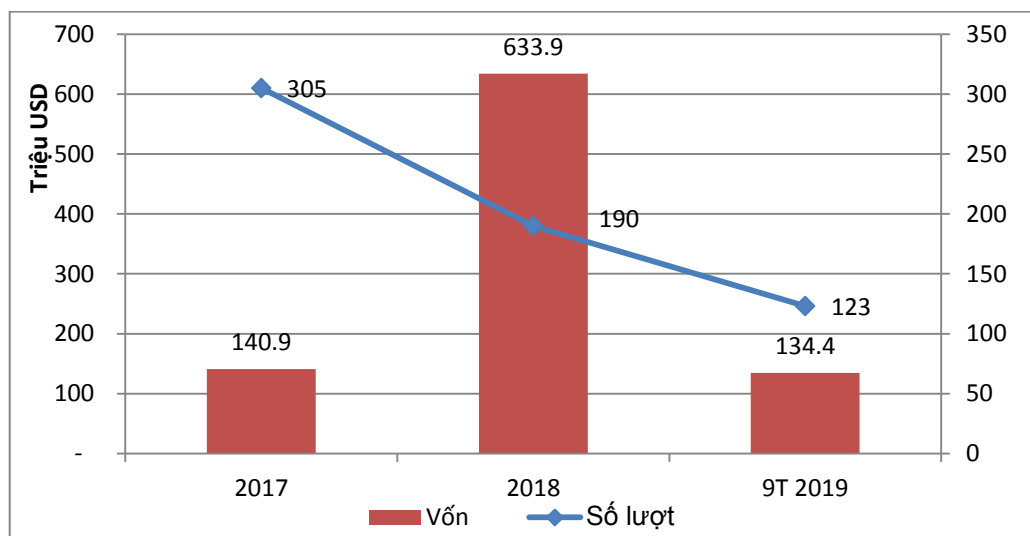
⁴ <https://thanhnien.vn/thoi-su/pho-thu-tuong-vuong-dinh-hue-chinh-phu-muon-cac-dia-phuong-dn-hien-ke-1051616.html>

Hiện chưa có thông tin về lý do cụ thể dẫn đến việc các doanh nghiệp quyết định tăng vốn.

5. Góp vốn bằng mua cổ phần

Góp vốn bằng hình thức mua cổ phần nhằm sở hữu một phần của công ty nội là một loại hình đầu tư FDI. Trong 9 tháng đầu 2019 đã có 123 lượt dự án nước ngoài mua cổ phần từ các dự án/công ty nội địa trong ngành gỗ, với tổng số vốn 134,4 triệu USD (Hình 9).

Hình 9. Số lượt dự án mua cổ phần và quy mô vốn 9 tháng đầu 2019



Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm nghiên cứu.

Hình thức góp vốn thông qua mua cổ phần có nhiều biến động trong những năm gần đây. Cụ thể, mặc dù trong năm 2017 số lượt mua cổ phần lớn, quy mô vốn nhỏ, chỉ tương đương trên 22% quy mô vốn góp mua cổ phần năm 2018.

Trong 9 tháng đầu 2019, số lượt góp vốn bằng mua cổ phần chỉ tương đương 65% số lượt của cả năm 2018. Quy mô vốn của 9 tháng chỉ bằng 21% quy mô vốn của cả năm 2018. Bảng 8 chỉ ra một số quốc gia có số lượt góp vốn thông qua hình thức mua cổ phần lớn.

Bảng 8. Các quốc gia có số lượt góp vốn thông qua hình thức mua cổ phần lớn

Quốc gia	Đặc điểm	2017	2018	9 tháng 2019
Trung Quốc	Số lượt	117	80	45
	Vốn (triệu USD)	34,8	41,1	29,6
Đài Loan	Số lượt	159	62	33
	Vốn (triệu USD)	61,8	57,8	39,1
Hong Kong	Số lượt	2	0	6
	Vốn (triệu USD)	34	0	16,6
Singapore	Số lượt	2	7	0
	Vốn (triệu USD)	2,1	10,9	0

Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài, tính toán bởi nhóm nghiên cứu.

Đài Loan là quốc gia đứng đầu trong số các quốc gia có số lượt góp vốn qua hình thức mua cổ phần lớn, bao gồm cả quy mô về vốn, kế tiếp là Trung Quốc.

Hiện chưa có thông tin chi tiết về các dự án góp vốn mua cổ phần và sự biến động về loại hình đầu tư FDI này trong các năm.

6. Dự án đầu tư nước ngoài trong ngành gỗ: Một số khía cạnh về chính sách

Các dự án FDI đã, đang và sẽ tiếp tục là một bộ phận không thể thiếu được của ngành gỗ Việt Nam. Năm 2018 có 529 doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ trực tiếp tham gia xuất khẩu, với kim ngạch xuất khẩu đạt gần 3,96 tỷ USD, chiếm 46,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu 8,48 tỷ USD của ngành. Trong 9 tháng đầu 2019, số doanh nghiệp FDI trực tiếp tham gia xuất khẩu tăng lên con số 565, với tổng kim ngạch gần 3,4 tỷ USD, tương đương 46,6% trong tổng kim ngạch xuất khẩu (7,3 tỷ USD) các mặt hàng gỗ của cả ngành trong cùng giai đoạn. Không chỉ trực tiếp tham gia vào xuất khẩu, nhiều doanh nghiệp FDI khác hiện đang cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các doanh nghiệp chế biến, cung cấp dịch vụ logistic và các loại hình dịch vụ khác. Mặc dù không trực tiếp tham gia xuất khẩu, vai trò của các doanh nghiệp FDI này không kém phần quan trọng.

Ngành gỗ đang chứng kiến sự mở rộng đầu tư FDI trên cả 3 hình thức là các dự án đầu tư mới, dự án tăng vốn mở rộng sản xuất và góp vốn thông qua hình thức mua cổ phần. Gia tăng đầu tư FDI cho thấy ngành gỗ vẫn còn tính hấp dẫn của mình, thể hiện qua các điểm mạnh như giá nhân công thấp, tiếp cận nguồn nguyên liệu đầu vào dễ dàng, cơ sở hạ tầng thuận lợi, ưu đãi thuế quan từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới... Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung có thể tạo ra những cơ hội mới cho việc mở rộng đầu tư FDI vào ngành gỗ Việt Nam, bao gồm cả sự mở rộng về số lượng và kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI trong thời gian gần đây.

Tuy nhiên, câu hỏi quan trọng được đặt ra là liệu sự mở rộng khối FDI trong ngành có tạo ra những rủi ro mới nào cho ngành và nếu có thì cơ chế kiểm soát các rủi ro này ra sao? Đến nay đã thấy một số tín hiệu cho thấy đầu tư FDI đang bộc lộ một số vấn đề. Nghị Quyết 50/NQ-TW của Bộ Chính trị nhận định *“Các hiện tượng chuyển giá, đầu tư “chui”, đầu tư “núp bóng” ngày càng tinh vi và có xu hướng gia tăng...”* Quyết định 824/QĐ-TTg của Thủ tướng của đưa ra các cảnh báo về *“các hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là gian lận xuất xứ hàng hóa.”* Bên cạnh các rủi ro này còn là tính liên kết lỏng lẻo giữa khối các doanh nghiệp nội và các doanh nghiệp FDI, điều này làm cho các kỳ vọng về dịch chuyển trình độ quản lý, khoa học công nghệ từ khối FDI sang khối doanh nghiệp nội địa – một trong những mục tiêu của chính sách thu hút vốn FDI - sẽ khó có thể trở thành hiện thực.

Để phát triển bền vững, bên cạnh những việc làm quan trọng khác (ví dụ như bền vững về nguồn nguyên liệu, nâng chất lượng nguồn nhân lực, thiết lập và tăng cường kết nối giữa 2 khối), ngành gỗ cần phải có những cơ chế chính sách hữu hiệu để giảm các rủi ro trong đầu tư FDI. Chính phủ thực hiện kiểm soát rủi ro trong FDI có thể bắt đầu bằng việc rà soát cả 3 loại hình đầu tư, bao gồm đầu tư mới, các dự án tăng vốn và dự án mua cổ phần. Ưu tiên rà soát cần tập trung vào các dự án đầu tư mới, có quy mô nhỏ, đặc biệt là 15 dự án đầu tư mới năm 2019, bao gồm nhiều doanh nghiệp Trung Quốc, với vốn đăng ký dưới 1 triệu USD /1 dự án. Việc rà soát cũng có thể mở rộng với các doanh nghiệp có quy mô vốn tương tự, đăng ký đầu tư năm 2018. Chính phủ sau đó có thể mở rộng việc rà soát, với các doanh nghiệp có vốn đầu tư khoảng 1-3 triệu USD/dự án, và một số dự án tăng vốn, mua cổ phần, tập trung vào các dự án sản xuất ván. Việc rà soát cần nhìn nhận vào các khía cạnh đầu vào của nguồn nguyên liệu và đầu ra của sản phẩm, công suất tiêu thụ nhiên liệu và tiêu thụ điện năng, sử dụng lao động.

Chính phủ cũng cần thu thập thông tin về tình trạng “đầu tư chui”, “đầu tư núp bóng”. Các hiệp hội gỗ địa phương là một trong những kênh thông tin quan trọng để thu thập thông tin về các hình thức đầu tư này nhằm cung cấp cho các cơ quan quản lý. Thông qua các thành viên của mình, các hiệp hội nắm bắt được thực trạng các doanh nghiệp ngoại hiện đang có các hoạt động thuê thiết bị, nhà xưởng, nhân công từ các doanh nghiệp nội để sản xuất sản phẩm gỗ xuất khẩu. Chính phủ cần tạo kênh kết nối trực tiếp với đại diện các hiệp hội nhằm cập nhật thông tin về thực trạng đầu tư, từ đó đưa ra các cơ chế, chính sách can thiệp kịp thời nhằm hạn chế các rủi ro.

Chính phủ cũng cần có cơ chế cho phép các hiệp hội gỗ mở rộng thành viên của mình, với các doanh nghiệp FDI có thể trở thành thành viên chính thức. Mô hình hiệp hội của các nước như AMCHAM, EUROCHAM với nhiều loại hình doanh nghiệp tham gia, bao gồm cả doanh nghiệp nội và doanh nghiệp FDI đã tạo ra những kết nối tốt giữa các doanh nghiệp, bao gồm doanh nghiệp của cả 2 khối. Mô hình này cũng giúp tăng cường trao đổi thông tin, từ đó góp phần giảm thiểu các xung đột lợi ích giữa các doanh nghiệp. Chính phủ cần cân nhắc cho phép các hiệp hội gỗ hoạt động theo mô hình này. Kết nối trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội có tiềm năng biến các kỳ vọng về dịch chuyển trình độ quản lý, lao động tay nghề cao, khoa học và công nghệ từ khối doanh nghiệp FDI sang khối doanh nghiệp nội trở thành hiện thực. Bên cạnh đó, thông tin từ các doanh nghiệp FDI giúp cho các hiệp hội nắm bắt được các thông tin có chất lượng về thực trạng đầu tư FDI, bao gồm thông tin về các hoạt động “đầu tư chui”, “đầu tư núp bóng”. Nguồn thông tin này có vai trò quan trọng, giúp cho các cơ quan quản lý hình thành các “bộ lọc” hiệu quả trong kiểm soát đầu tư FDI trong ngành. Điều này góp phần giúp ngành phát triển bền vững trong tương lai.

Hiện đang tồn tại một số cạnh tranh, đặc biệt là về nguồn nguyên liệu và lao động giữa các doanh nghiệp khối FDI và doanh nghiệp nội địa. Mở rộng mô hình hoạt động của các hiệp hội, với các doanh nghiệp FDI có cơ hội trở thành thành viên chính thức có thể giúp giải quyết một phần vấn đề này. Bên cạnh đó, các cơ quan chính quyền cấp tỉnh cần phối hợp với các hiệp hội và cộng đồng doanh nghiệp tại phương để bàn bạc nhằm tìm ra những giải pháp hiệu quả để kịp thời giải quyết các vấn đề căng thẳng trong cạnh tranh về nguyên liệu đầu vào và lao động giữa 2 khối. Điều này sẽ giúp tránh các ảnh hưởng tiêu cực do cạnh tranh giữa 2 khối tới các chủ trương, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của địa phương./.